

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Thành.

- Ông Y Krang Jie.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker BKrông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04A/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 – (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐK, thị trấn LS, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Phạm Văn P, sinh năm 1993 – (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn BT2, xã BT, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Tôi với anh Phạm Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2019. Việc kết hôn của chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với gia đình chồng tại Buôn Tung 2, xã BT. Quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ngày 08/3/2019, trong lúc vợ chồng cãi nhau, chồng tôi đánh tôi trong khi có nhiều người can ngăn, những lần cãi nhau, anh Q dùng những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của tôi. Tháng 12/2019, tôi bỏ về nhà mẹ đẻ ở, nên tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nguyên vọng của tôi mong muốn được ly hôn với anh Q, để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tôi không có, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Phạm Văn P*: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Q vắng mặt không có lý do.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu ý kiến*: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn P.

- *Về con chung*: Vợ chồng chưa có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn P, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Buôn Tung 2, xã BT, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắk, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

Xét thấy bị đơn anh Phạm Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn P xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24 tháng 9 năm 2019 nên quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q không chịu làm ăn, thường xuyên quậy phá, xúc phạm và đánh đập chị T. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị T, anh Q sinh sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: *“Sau khi kết hôn, anh Q và chị T về chung sống cùng gia đình chồng được 03 tháng, sau đó chuyển ra thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk sinh sống. Đến năm 2019, anh Q bị Tòa án nhân dân huyện Lắk xử phạt tù về tội Trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, Quyết trở về địa phương nhưng không lo làm ăn, có biểu hiện nghiện ma túy và được ban tự quản thôn đang theo dõi để nắm bắt thông tin”*

Tòa án đã tiến hành giải thích, động viên để chị T về chung sống, đoàn tụ với nhau và phân tích hậu quả pháp lý của việc ly hôn, nhưng chị Nguyễn Thị T vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh Q.

Như vậy, xét thấy tình cảm giữa chị T và anh Q có nhiều mâu thuẫn, vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn P.

[3] *Về con chung:* Trong thời gian sống chung, anh chị chưa có con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn P,
- Về con chung: Anh chị chưa có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010401 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắc;
- Chi Cục THADS huyện Lắc;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thành

